

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ đối với vận động viên, huấn luyện viên
thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể
thao; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục,
thể thao;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 6288/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về thu hút, đãi
ngộ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao tỉnh Quảng
Nam giai đoạn 2022 - 2026; Báo cáo thẩm tra số 145/BC-HĐND ngày 12 tháng
10 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ đối với vận động viên, huấn luyện viên
các môn thể thao của tỉnh (trừ môn bóng đá) đạt nhiều thành tích, có tiềm năng,
kinh nghiệm, năng lực, trình độ chuyên môn cao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Vận động viên đang được đào tạo từ ngân sách tỉnh Quảng Nam theo quyết
định của cấp có thẩm quyền.

2. Vận động viên chưa từng được đào tạo từ ngân sách tỉnh Quảng Nam.

3. Huấn luyện viên chưa từng được hưởng tiền lương, tiền công huấn luyện, đào tạo từ ngân sách tỉnh Quảng Nam; có nhiều kinh nghiệm huấn luyện; năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Chính sách thu hút vận động viên, huấn luyện viên

1. Đối với vận động viên quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết:

a) Hỗ trợ 15.000.000 đồng/tháng:

Vận động viên có khả năng tranh chấp huy chương vàng cá nhân, đồng đội tại Đại hội Thể thao toàn quốc, giải Vô địch quốc gia và đã từng đoạt một trong số huy chương: Huy chương vàng giải Vô địch quốc gia, huy chương vàng Đại hội Thể thao toàn quốc, huy chương các loại giải Vô địch Đông Nam Á trở lên.

Vận động viên tham gia thi đấu giải Vô địch Bóng chuyền quốc gia.

b) Hỗ trợ 10.000.000 đồng/tháng:

Vận động viên có khả năng tranh chấp huy chương vàng cá nhân, đồng đội tại Đại hội Thể thao toàn quốc, giải Vô địch quốc gia và đã từng đoạt một trong số huy chương: Huy chương vàng giải Trẻ quốc gia, huy chương bạc giải Vô địch quốc gia.

Vận động viên tham gia thi đấu giải Bóng chuyền hạng A quốc gia.

c) Hỗ trợ 5.000.000 đồng/tháng:

Vận động viên có khả năng tranh chấp huy chương vàng cá nhân, đồng đội tại Đại hội Thể thao toàn quốc, giải Vô địch quốc gia.

Vận động viên tham gia thi đấu giải Bóng chuyền Trẻ quốc gia.

2. Đối với huấn luyện viên quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết:

a) Hỗ trợ không quá 45.000.000 đồng/tháng đối với huấn luyện viên, chuyên gia nước ngoài có khả năng đột phá thành tích trong huấn luyện; có định hướng, chiến lược tốt trong công tác huấn luyện, thi đấu và đạt một trong các điều kiện sau:

Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo, huấn luyện vận động viên.

Đã từng huấn luyện vận động viên đoạt huy chương vàng giải quốc tế từ Đại hội Thể thao khu vực trở lên.

b) Hỗ trợ không quá 25.000.000 đồng/tháng đối với huấn luyện viên là công dân Việt Nam có khả năng đột phá thành tích trong huấn luyện; có định hướng, chiến lược tốt trong công tác huấn luyện, thi đấu và đạt một trong các điều kiện sau:

Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, huấn luyện vận động viên.

Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, huấn luyện vận động viên các đội tuyển trẻ quốc gia, đội tuyển quốc gia.

Đã từng huấn luyện vận động viên đoạt một trong số huy chương: Huy chương vàng giải Vô địch quốc gia, huy chương vàng Đại hội Thể thao toàn quốc, huy chương các loại từ giải Vô địch Đông Nam Á trở lên.

Điều 4. Chính sách đãi ngộ vận động viên

1. Vận động viên quy định tại các khoản 1, 2 Điều 2 Nghị quyết sau khi lập thành tích xuất sắc tại Đại hội Thể thao, giải thể thao trong hệ thống thi đấu quốc gia, khu vực, châu lục, thế giới được hưởng chính sách đãi ngộ như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/người/tháng)

STT	Hệ thống thi đấu	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Thời gian hưởng
1	Đại hội Thể thao Olympic (Thế vận hội)	30	20	15	48 tháng
2	Đại hội Thể thao Olympic trẻ (Thế vận hội trẻ)	20	15	10	48 tháng
3	Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD)	15	10	07	48 tháng
4	Vô địch Thế giới	15	10	07	12 tháng
5	Vô địch Châu Á	12	08	06	12 tháng
6	Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	12	08	06	24 tháng
7	Đại hội Thể thao toàn quốc	09	05	03	12 tháng
8	Vô địch Đông Nam Á	09	12 tháng		
9	Vô địch quốc gia từng môn	03	12 tháng		

2. Vận động viên quy định tại các khoản 1, 2 Điều 2 Nghị quyết khi đạt đẳng cấp và phá kỷ lục trong hệ thống thi đấu các giải thể thao được hưởng chính sách đãi ngộ trong thời gian 12 tháng, mức đãi ngộ cụ thể như sau:

- a) Vận động viên đạt kiện tướng: 2.000.000 đồng/tháng.
- b) Vận động viên đạt cấp I: 1.000.000 đồng/tháng.
- c) Vận động viên phá kỷ lục giải quốc tế: 5.000.000 đồng/tháng.
- d) Vận động viên phá kỷ lục giải quốc gia: 3.000.000 đồng/tháng.

Điều 5. Điều kiện, nguyên tắc và phương thức thực hiện chính sách

1. Chỉ thực hiện chính sách thu hút quy định tại Điều 3 Nghị quyết đối với vận động viên, huấn luyện viên đảm bảo các điều kiện quy định và chỉ áp dụng đối với các môn thể thao thành tích cao là thế mạnh của tỉnh, đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đào tạo, tập luyện.

2. Thời gian hợp đồng được hưởng chính sách quy định tại Điều 3 Nghị quyết đối với vận động viên, huấn luyện viên tùy thuộc vào nhiệm vụ thực tế từng giai đoạn thực hiện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể độ tuổi vận động viên được thu hút, đãi ngộ; phương thức và điều kiện chi trả mức hỗ trợ thu hút đối với vận động viên, huấn luyện viên. Căn cứ vào mức hỗ trợ tối đa quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết, yêu cầu chuyên môn của từng môn thể thao, tình hình thực tế và năng lực chuyên môn của huấn luyện viên quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng trường hợp đảm bảo chặt chẽ, phù hợp và hiệu quả.

4. Vận động viên lập nhiều thành tích chỉ hưởng một mức đãi ngộ cao nhất. Thành tích của năm trước được bắt đầu tính hưởng từ tháng 01 năm sau. Vận động viên không còn tập luyện và thi đấu cho tỉnh Quảng Nam sẽ thôi hưởng chính sách đãi ngộ.

5. Mức đãi ngộ đối với vận động viên sau khi lập thành tích xuất sắc tại Đại hội Thể thao, giải thể thao trong hệ thống thi đấu quốc gia, khu vực, châu lục, thế giới chỉ áp dụng cho vận động viên thi đấu nội dung cá nhân. Đối với vận động viên thi đấu nội dung từ 02 người trở lên, môn thi đấu tập thể thì mỗi vận động viên được hưởng 50% mức hưởng của nội dung cá nhân. Số lượng vận động viên được tính theo quy định điều lệ giải và quyết định của cấp có thẩm quyền cử tham gia thi đấu.

6. Ngoài chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, vận động viên, huấn luyện viên được hưởng các chế độ khác theo quy định pháp luật.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2025 khoảng: 12,816 tỷ đồng; bình quân mỗi năm khoảng: 4,272 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch lựa chọn những môn thể thao thế mạnh của tỉnh, đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đào tạo, luyện tập để thu hút, đãi ngộ.

c) Định kỳ hằng năm, tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTĐB.

CHỦ TỊCH



Phan Việt Cường